

Số: 217/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
KỶ HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội thông qua ngày 16/05/2006 đến ngày 29/06/2006 và Luật Sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2016;
- Biên bản họp số 05/BB-ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên năm 2017 vào ngày 25/04/2017 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn thông qua,

Kỳ họp thường niên năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn được tổ chức tại Hội trường Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh) vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 25/04/2017 đã thảo luận, xem xét và:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại kỳ họp thường niên năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại kỳ họp thường niên năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017 của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

3.1 Về sản xuất kinh doanh khai thác cảng:

- Sản lượng: 8.000.000 TTQ

(Trong đó, sản lượng hàng container: 250.000 TEUs)

- Doanh thu: 720 tỷ đồng

- Lợi nhuận: 55 tỷ đồng

3.2 Về khoản góp vốn tại các công ty con và đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Diễn giải	CTY CP CẢNG SÀI GÒN		CTY CỔ PHẦN (vốn góp 51% trở lên)		ĐẦU TƯ DÀI HẠN (vốn góp 20% - 50%)		TỔNG CỘNG	
		TH 2016	KH 2017	TH 2016	KH 2017	TH 2016	KH 2017	TH 2016	KH 2017
1	Sản lượng (TTQ)	10.209.855	7.000.000	15.038.696	13.279.684	10.661.000	7.339.293	35.909.551	28.618.977
2	Doanh thu	1.182.421	680.000	272.647	267.621	487.421	498.406	1.942.489	1.446.027
3	Lợi nhuận của CSG theo tỷ lệ vốn góp	49,762	50.000	8.840	8.668	- 190.424	- 138.090	- 131.822	- 79.422

(Số liệu doanh thu trên chưa loại trừ doanh thu nội bộ khi hợp nhất)

3.3 Về kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản năm 2017:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Danh mục	Trang thiết bị	Xây dựng cơ bản	Tổng cộng
- Đầu tư mới	117,220	84,000	201,220
- Sửa chữa	32,828	16,213	49,041
Tổng cộng	150,048	100,213	250,261

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán, cụ thể:

4.1 Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán bao gồm:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán:

a/ Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	856.548.912.100
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	138.328.988.290
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	236.489.861.100
III	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	448.200.870.544
IV	Hàng tồn kho	140	32.798.001.652
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	731.190.514
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.326.562.651.987
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	249.907.680.000

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
II	Tài sản cố định	220	441.266.912.228
III	Bất động sản đầu tư	230	214.216.156.258
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	32.587.421.003
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	2.381.616.515.501
VI	Tài sản dài hạn khác	260	6.967.966.997
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		4.183.111.564.087
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1.918.259.883.480
I	Nợ ngắn hạn	310	567.975.412.666
II	Nợ dài hạn	330	1.350.284.470.814
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420+430)	400	2.264.851.680.607
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.183.328.599.194
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	81.523.081.413
III	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	4.183.111.564.087

b/ Báo cáo kết quả kinh doanh

1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.182.421.250.514
1.1	<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	1.073.537.313.273
1.2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	22.488.006.073
1.3	<i>Thu nhập khác</i>	86.395.931.168
2	Tổng chi phí	1.121.958.959.776
2.1	<i>Giá vốn hàng bán</i>	618.105.574.906
2.2	<i>Chi phí tài chính</i>	288.255.745.716
2.3	<i>Chi phí bán hàng</i>	
2.4	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	211.617.326.127
2.5	<i>Chi phí khác</i>	3.980.313.027
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	60.462.290.738
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.521.139.620
5	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.820.939.500)
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.762.090.618

* **Ghi chú:** Đến ngày 31/12/2016 Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn chưa quyết toán vốn với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

4.2 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bao gồm:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán:

a/ Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	756.662.324.637
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	175.480.553.254
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	260.589.861.100
III	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130	265.801.205.060
IV	Hàng tồn kho	140	35.010.163.239
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	19.780.541.984
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	2.685.524.314.758
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	250.609.752.486
II	Tài sản cố định	220	491.022.867.946
III	Bất động sản đầu tư	230	214.216.156.258
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.121.050.188.937
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	592.651.283.066
VI	Tài sản dài hạn khác	260	15.974.066.065
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		3.442.186.639.395
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.051.495.580.771
I	Nợ ngắn hạn	310	643.672.205.912
II	Nợ dài hạn	330	1.407.823.374.859
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420+430+440)	400	1.390.691.058.624
I	Vốn chủ sở hữu	410	2.184.414.054.225
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-927.140.355.960
III	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	430	133.417.360.359
IV	Nguồn kinh phí và quỹ khác	440	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	3.442.186.639.395

b/ Báo cáo kết quả kinh doanh

1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.307.328.987.905
1.1	<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.202.018.354.710</i>
1.2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>16.363.406.410</i>

1.3	Thu nhập khác	88.947.226.785
2	Tổng chi phí	1.036.833.376.013
2.1	Giá vốn hàng bán	697.767.044.906
2.2	Chi phí tài chính	90.265.439.125
2.3	Chi phí bán hàng	
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	244.336.527.198
2.5	Chi phí khác	4.464.364.784
3	Lãi lỗ trong liên doanh, liên kết	-190.424.790.303
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	80.070.821.589
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.001.121.558
5	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.176.557.545
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.893.142.486
7	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	18.581.639.704
8	Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	8.311.502.782

* **Ghi chú:** Việc hợp nhất của hai liên doanh là Công ty LD Dịch vụ Container Quốc tế CSG - SSA và Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA được bắt đầu từ quý 04/2015.

Điều 5. Thông qua quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách là người đại diện vốn Nhà nước (Thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) và quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách (Thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) năm 2016 là 3.336.840.000 đồng.

Điều 6. Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách là người đại diện vốn Nhà nước (Thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) và quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách (Thành viên không chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) năm 2017 là 2.625.937.580 đồng.

Điều 7. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017:

7.1 Thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

STT	Tên đơn vị kiểm toán
1	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
2	Công ty TNHH KPMG
3	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

7.2 Đồng ý ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách trên để kiểm toán, lập báo cáo tài chính năm 2017 cho Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Điều 8. Về công tác nhân sự Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhiệm kỳ 2015 – 2020:

8.1 Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020 đối với ông Nguyễn Văn Phương và bà Lê Thu Thủy.

8.2 Giữ nguyên (không bổ sung thêm) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn của cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhiệm kỳ 2015 – 2020.

8.3 Bầu bà Trần Thị Nguyệt tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhiệm kỳ 2015 – 2020, thay thế bà Lê Thu Thủy.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn lần thứ hai.

Điều 10. Hiệu lực nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty, các cổ đông và phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật.

Nghị quyết này gồm 10 điều 06 trang, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn nhất trí thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2017 vào ngày 25 tháng 04 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị CSG;
- Ban điều hành CSG;
- Ban kiểm soát CSG;
- Các phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc CSG;
- Công đoàn và các đoàn thể của CSG;
- Các cổ đông của CSG;
- Đăng tải website của CSG;
- Lưu: VT, HĐQT.

Phạm

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



HUỲNH VĂN CƯỜNG

